

Số: 55 /TTr-UBND

Duyên Hải, ngày 16 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khoá X - Kỳ họp thứ 9

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Trên cơ sở điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X - Kỳ họp thứ 9 xem xét phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 với một số nội dung sau:

A. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ tích cực của các sở, ngành tỉnh; sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương và sự đồng thuận của nhân dân.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện luôn bám sát cơ sở, tiếp cận và nắm bắt được tình hình kinh - tế xã hội ở mỗi địa phương, từ đó có sự chỉ đạo tập trung, trọng tâm theo từng lĩnh vực thế mạnh của từng vùng. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội ở các xã - thị trấn có sự chuyển biến tốt, đúng theo định hướng.

- Từng Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện đã không ngừng nỗ lực, phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tham mưu cho Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; vận động nhân dân phát huy nội lực, tập trung chuyển đổi, đầu tư vốn và áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất.

- Bên cạnh đó, các ngành chuyên môn huyện đã tích cực, chủ động tham mưu tốt cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và được sự đồng tình của nhân dân. Thực hiện tốt mối quan hệ với Mặt trận Tổ quốc và các ngành đoàn thể, đoàn kết nhất trí trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước ở địa phương.

B. KẾT QUẢ THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Thực hiện theo Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2022 đạt kết quả như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 748.344.916.180 đồng

Ngân sách địa phương hưởng: 709.078.958.026 đồng

1. Thu theo dự toán: 53.632.300.112 đồng, đạt 178,77% so dự toán

1.1. Thu thuế từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 222.581.502 đồng, đạt 89,03% so dự toán.

- Thuế giá trị gia tăng: 114.283.214 đồng, đạt 76,19% so dự toán

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 108.297.688 đồng, đạt 108,29% so dự toán

1.2. Thu thuế từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 20.083.824.254 đồng, đạt 180,94% so dự toán.

- Thuế giá trị gia tăng: 18.654.745.903 đồng, đạt 180,24% so dự toán

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 442.263.996 đồng, đạt 64,10% so dự toán

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 461.538 đồng, đạt 2,31% so dự toán

- Thuế tài nguyên: 986.352.817 đồng, đạt 2.465,88% so dự toán

1.3. Thu lệ phí trước bạ: 10.300.204.957 đồng, đạt 147,15% so dự toán

1.4. Thuế SDD phi nông nghiệp: 219.130.915 đồng, đạt 87,65% so dự toán

1.5. Thuế thu nhập cá nhân: 9.424.825.497 đồng, đạt 157,08% so dự toán

1.6. Thu phí và lệ phí: 8.390.436.971 đồng, đạt 645,42% so dự toán. trong đó:

- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu: 7.155.584.971 đồng

- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu: 1.234.852.000 đồng

1.7. Thu tiền sử dụng đất: 2.072.368.153 đồng, đạt 159,41% so dự toán

1.8. Thu bán tài sản nhà nước: 81.961.000 đồng

1.9. Thu khác ngân sách: 2.836.966.863 đồng, đạt 101,32% so dự toán

2. Thu các khoản không giao dự toán: 162.202.718.970 đồng

Trong đó:

- Thu chuyển nguồn năm trước sang: 64.849.143.261 đồng
- + Chuyển nguồn ngân sách huyện: 41.696.425.791 đồng
- + Chuyển nguồn ngân sách xã: 23.152.717.470 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 67.141.674.399 đồng
- + Kết dư ngân sách huyện: 38.666.143.879 đồng
- + Kết dư ngân sách xã: 28.475.530.520 đồng
- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 30.211.901.310 đồng

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 532.509.897.098 đồng

- Bổ sung cân đối: 375.737.056.000 đồng
- Bổ sung có mục tiêu: 156.772.841.098 đồng
- **Tỉnh bổ sung huyện: 465.630.374.698 đồng**
- Bổ sung cân đối: 334.590.000.000 đồng
- Bổ sung mục tiêu: 131.040.374.698 đồng

(Đính kèm phụ lục 01)

II. Tổng chi ngân sách địa phương: 635.915.006.261 đồng

1. Chi ngân sách huyện: 517.989.318.399 đồng, đạt 87,63% so dự toán

1.1. Chi đầu tư phát triển: 78.766.975.098 đồng, đạt 69,23% so dự toán
(Đính kèm phụ lục 02)

1.2. Chi sự nghiệp kinh tế: 21.857.288.943 đồng, đạt 77,12% so dự toán

Bổ sung kinh phí sửa chữa thiết bị của Trường THPT Đôn Châu (Điểm học Ngũ Lạc) bị hư hỏng sau khi trưng dụng làm khu cách ly và thành lập cơ sở thu dung, điều trị COVID - 19; chi trả tiền điện chiếu sáng tuyến số 02, cổng chào, phục vụ các phòng họp, hội trường, chiếu sáng trong khu hành chính huyện; kinh phí gắn bông hoa vòng xoay đường vào Trung tâm Hành chính huyện; sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng; sửa chữa công viên xã Long Vĩnh; sửa chữa chợ xã Ngũ Lạc..., với tổng số tiền 8.659.567.437 đồng.

1.3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh và thể thao: 4.371.657.103 đồng, đạt 82,92% so dự toán

Bổ sung kinh phí lắp đặt 200 bảng thiết chế văn hóa phục vụ cho xây dựng huyện và xã nông thôn mới; kinh phí lắp đặt 04 cụm pano lớn, bảng tên ấp văn hóa nông thôn mới, sân vận động và khu vui chơi phục vụ cho xây dựng xã và huyện nông thôn mới....., với tổng số tiền 1.261.371.805 đồng.

1.4. Chi đảm bảo xã hội: 27.197.528.204 đồng, đạt 98,66% so dự toán

Bổ sung kinh phí thực hiện mai táng cho người có công; hỗ trợ tiền ăn cho người thực hiện cách ly y tế và hỗ trợ người lao động bị mất việc làm, hộ kinh doanh ngưng hoạt động hưởng chế độ chính sách theo Nghị Quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật,... với tổng số tiền: 6.240.820.000 đồng.

1.5. Chi sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề: 155.643.934.529 đồng, đạt 88,45% so dự toán

Bổ sung kinh phí sửa chữa khối phòng nội trú Trường PTDTNT THCS huyện; kinh phí hỗ trợ san lấp mặt bằng trường Tiểu học Ngũ Lạc B; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách... với tổng số tiền: 6.178.073.000 đồng.

1.6. Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ: 29.714.400 đồng, đạt 2,97 so dự toán

1.7. Chi sự nghiệp môi trường: 3.319.238.328 đồng, đạt 80,62% dự toán

Bổ sung kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường toàn huyện Duyên Hải năm 2022; kinh phí báo cáo công tác bảo vệ môi trường bãi rác Đông Hải; kinh phí chôn lấp hợp vệ sinh và thực hiện quy trình đóng bãi rác xã Long Vĩnh; kinh phí mô hình xử lý rác thải hộ gia đình (Thùng ủ rác); kinh phí đầu tư gói thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật, chai lọ thuốc thủy sản, kinh phí xúc rác để vận hành bãi rác năm 2022; kinh phí phun xich khử mùi bãi rác Đông Hải; kinh phí mua thùng rác bổ sung thay thế thùng rác hư hỏng trên địa bàn huyện... với tổng số tiền: 2.697.000.000 đồng.

1.8. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 38.561.345.750 đồng, đạt 82,53% so dự toán

Bổ sung kinh phí lắp đặt phong màn, khẩu liệu và hệ thống âm thanh Hội trường 500 chỗ; kinh phí cải tạo nâng cấp và lắp đặt phong màn Hội trường trực tuyến Huyện ủy; kinh phí mua bổ sung bàn ghế phòng họp trực tuyến và hội trường; kinh phí mua lắp đặt trang thiết bị đồ dùng cho nhà ăn Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện; kinh phí vật tư, ban chỉ đạo phục vụ công tác bầu cử Trường ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022 - 2025 kết hợp bầu thành viên Ban thanh tra nhân dân xã, thị trấn.... với tổng số tiền: 8.938.178.299 đồng.

1.9. Chi hỗ trợ quốc phòng: 3.375.641.000 đồng, đạt 100% so dự toán

Kinh phí huấn luyện hội thi bộ binh bắn mục tiêu bay thấp, kinh phí tổ chức huấn luyện hội thao dân quân cơ động... với tổng số tiền: 1.219.641.000 đồng.

1.10. Chi hỗ trợ an ninh: 1.295.879.000 đồng, đạt 93,90% so dự toán

Kinh phí hỗ trợ tổ chức Hội thi Trường Công an xã giỏi; kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà công vụ phục vụ sinh hoạt cho cán bộ đơn vị... với tổng số tiền: 94.180.000 đồng.

1.11. Chi khác ngân sách: 5.967.280.000 đồng

- Chi hỗ trợ Liên đoàn Lao động huyện thực hiện giám sát các công đoàn trực thuộc thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ: 13.400.000 đồng.

- Chi hỗ trợ thực hiện đề án Quỹ Hỗ trợ Nông dân trên địa bàn huyện: 300.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ kinh phí cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện thực hiện chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Chỉ thị 40-CT/TW trên địa bàn thị trấn Long Thành: 1.000.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ kinh phí cho các Hợp tác xã: 341.280.000 đồng.

- Chi hỗ trợ Tòa án nhân dân huyện thực hiện công tác tổng kết và khen thưởng Hội thẩm nhân dân huyện: 10.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ hoạt động Bùn phà kênh tắt trên đường Tỉnh lộ 913: 4.302.600.000 đồng.

1.12. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau: 80.511.412.334 đồng

1.13. Chi nộp ngân sách cấp trên: 30.211.901.310 đồng

1.14. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 66.879.522.400 đồng

- Bổ sung cân đối: 41.147.056.000 đồng

- Bổ sung mục tiêu: 25.732.466.400 đồng

(Đính kèm phụ lục 03)

2. Chi ngân sách xã: 117.925.687.862 đồng, đạt 92,66% so dự toán trong đó:

2.1. Thị trấn Long Thành: 20.434.276.002 đồng, đạt 95,23% so dự toán.

2.2. Xã Ngũ Lạc: 19.676.460.194 đồng, đạt 89,27% so dự toán.

2.3. Xã Long Khánh: 14.882.842.885 đồng, đạt 99,38% so dự toán.

2.4. Xã Long Vĩnh: 15.088.892.455 đồng, đạt 94,47% so dự toán.

2.5. Xã Đông Hải: 14.062.018.100 đồng, đạt 98,67% so dự toán.

2.6. Xã Đôn Xuân: 17.809.006.451 đồng đạt 89,26% so dự toán.

2.7. Xã Đôn Châu: 15.972.191.775 đồng, đạt 88,54% so dự toán.

* Chi theo lĩnh vực:

- Chi đầu tư phát triển: 9.129.137.126 đồng

- Chi giáo dục & đào tạo và dạy nghề: 486.082.777 đồng

- Chi thể dục thể thao: 42.996.000 đồng

- Chi kiến thiết thị chính: 5.932.104.354 đồng

- Chi văn hóa thông tin: 1.200.627.008 đồng

- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:	50.546.282.393 đồng
- Chi quốc phòng:	5.809.007.865 đồng
- Chi an ninh, trật tự:	3.670.188.409 đồng
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	41.109.261.930 đồng

III. Cân đối ngân sách

1. Thu ngân sách địa phương hưởng:	709.078.958.026 đồng
- Ngân sách huyện:	568.736.222.513 đồng
- Ngân sách xã:	140.342.735.513 đồng
2. Chi ngân sách địa phương:	635.915.006.261 đồng
- Ngân sách huyện:	517.989.318.399 đồng
- Ngân sách xã:	117.925.687.862 đồng
3. Kết dư ngân sách địa phương:	73.163.951.765 đồng
- Ngân sách huyện:	50.746.904.114 đồng
- Ngân sách xã:	22.417.047.651 đồng

Trên đây là quyết toán thu chi ngân sách năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân khoá X - Kỳ họp thứ 9 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- NC;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Kim Chí Hòa

Kim Chí Hòa

CHI TIẾT BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện DuỖn Hải)

TT	Nội dung	Số tiền
TỔNG CỘNG		131.040.374.698
1	Kinh phí BSMT đầu năm theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh	16.130.000.000
2	Kinh phí đáp ứng tiêu chí nông thôn mới	56.000.000.000
3	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ	220.312.195
4	Kinh phí đầu tư thiết bị hội trường trực tuyến khối đảng	990.217.400
5	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh	204.560.000
6	Kinh phí thực hiện bầu cử Trường ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên ban thanh tra nhân dân xã, thị trấn	476.000.000
7	Kinh phí hỗ trợ Hợp tác xã năm 2022	840.700.000
8	Kinh phí thực hiện chi trả cho Đội viên về công tác tại xã theo Đề án 500 của tỉnh Trà Vinh năm 2022	159.310.800
9	Kinh phí hỗ trợ nghị việc, từ trần một lần đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách chưa được hưởng chế độ, chính sách; hỗ trợ nghị việc một lần đối với viên chức làm việc theo Đề án tăng cường đội ngũ viên chức ngành nông nghiệp về công tác trên địa bàn xã, phường, thị trấn trong tỉnh Trà Vinh do kết thúc hoạt động của đề án	113.061.200
10	Kinh phí thực hiện Chính sách tái cơ cấu nông nghiệp	2.012.500.000
11	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho lực lượng dân quân thường trực theo NQ 18/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	19.710.000
12	Kinh phí hỗ trợ không hoàn lại theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021-2025	470.340.000
13	Kinh phí thanh toán cho Hợp tác xã dịch vụ công DuỖn Hải cung cấp dịch vụ đưa rước khách qua sông Kênh Tát trên Quốc lộ 53B năm 2022	4.302.600.000
14	Kinh phí phân bổ vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len năm tài khóa 2020	2.000.000.000
15	Kinh phí thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Kế hoạch 59/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh	4.003.000.000
16	Kinh phí thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	33.991.000.000
17	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đồng chí dự học lớp cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực IV (Công văn số 643-CV/BTCTU ngày 15/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Công văn số 1033-TB/VPTU ngày 06/6/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh)	11.760.000
18	Kinh phí chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ XH, người cao tuổi và khuyết tật	6.048.165.000
19	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT BTC-BGDĐT ngày 29/05/2009	2.440.339.811
20	Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	125.976.000
21	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Thông tư 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 của Chính phủ	122.000.000
22	Kinh phí BHYT cựu chiến binh	16.831.600

23	Kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng khó khăn theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	97.200.000
24	Bổ sung kinh phí cho Trung tâm kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp cấp huyện	55.714.572
25	Kinh phí thí điểm đề án thực hiện phương án chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ năm 2022	77.076.120
26	Kinh phí hỗ trợ gia đình có người tử vong do dịch bệnh Covid-19 theo Công văn 273/UBND-KGVX ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh	112.000.000

CHI TIẾT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 55 /TTr-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
Tổng cộng:		78.766.975.098
1	Đường Đan công số 1, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải	29.429.000
2	Trụ sở ban nhân dân khóm 6	15.477.000
3	Đường nhựa Côn Nhân, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	110.534.000
4	Xây dựng mới hàng rào trụ sở UBND xã Đông Hải	31.770.000
5	Nhà ăn Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải	1.350.744.600
6	Hệ thống đèn chiếu sáng xã Đôn Xuân	77.050.349
7	Hệ thống đèn chiếu sáng trung tâm xã Đôn Châu	22.112.055
8	Trụ sở làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo, huyện Duyên Hải	5.490.004.000
9	Đường vào công, hàng rào sân vận động xã Đôn Xuân	306.777.000
10	Quản trường huyện Duyên Hải	6.352.825.871
11	Xây dựng hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành	2.837.806.139
12	Đường đồng lán ấp Cây Đa 2, xã Ngũ Lạc	900.000.000
13	SLMB sân vận động xã Long Vĩnh	2.000.000.000
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở văn hóa các ấp, xã Long Khánh	900.000.000
15	Xây dựng nhà ở dân quân cơ động Ban Chỉ huy quân sự huyện	1.050.000.000
16	Nâng cấp, sửa chữa và trang thiết bị trụ sở các ấp, xã Đông Hải	1.300.000.000
17	Sân vận động xã Long Khánh	1.000.000.000
18	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải	768.203.200
19	Xây dựng hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành	120.000.000
20	Hội trường UBND xã Long Vĩnh	3.616.082.487
21	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Duyên Hải	9.375.791.110
22	Cầu Động Cao xã Đông Hải	1.623.648.219
23	Đường kết nối đường đan hiện hữu đến khu dân cư Hồ Thùng	780.000.000
24	Đường ấp Đông Thành (khu di tích Công an tỉnh)	300.000.000
25	Xây dựng đường nhựa giống giữa Cóc Lách ấp Sa Văng	1.600.000.000
26	Đường lộ 6 ấp Cái Cỏ	1.600.000.000
27	Đường số 5 ấp Bà Nhi, xã Đôn Xuân	2.200.000.000
28	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa Mỏ Côi - Lạc Sơn	1.600.000.000
29	Đường La Bang Chợ	1.200.000.000
30	Nâng cấp, sửa chữa nền chợ và hệ thống thoát nước khu vực chợ xã Đôn Châu	1.738.681.037

TT	Nội dung	Số tiền
31	San lấp mặt bằng, mở rộng khu nghĩa trang nhân dân xã Đồn Châu	930.220.228
32	Cầu Vũng Tàu	1.900.117.549
33	Nâng cấp, mở rộng đường Cây Xoài, xã Ngũ Lạc	2.589.677.600
34	Cầu giao thông Cây Xoài, xã Ngũ Lạc	1.500.000.000
35	Bến xe huyện Duyên Hải	2.696.880.728
36	Via hè và Hệ thống thoát nước tuyến số 02	7.843.636.121
37	Xây dựng Chợ huyện Duyên Hải	1.653.720.600
38	Sân vận động huyện Duyên Hải	6.674.969.975
39	Sân vận động Đồn Châu	2.680.816.230

CHI TIẾT BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN CHO XÃ NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng cộng:	25.732.466.400
1	Kinh phí BSMT đầu năm theo Quyết định số 6020 ngày 17/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải	11.432.944.000
2	Kinh phí mua sắm bàn ghế hội trường các xã	307.600.000
3	Kinh phí mua sắm thiết bị âm thanh cho nhà văn hóa Đôn Châu	49.600.000
4	Kinh phí thực hiện bầu cử Trường ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên ban thanh tra nhân dân xã, thị trấn	525.000.000
5	Kinh phí phân bổ vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len năm tài khóa 2020	2.000.000.000
6	Kinh phí lắp đặt bảng biểu, sửa chữa nhà văn hóa ấp Đôn Châu	53.000.000
7	Kinh phí sửa chữa thiết chế văn hóa ấp Đôn Châu	47.000.000
8	Kinh phí làm mái che trụ sở Công an, Xã đội xã Đôn Châu	95.000.000
9	Kinh phí trợ cấp nghỉ việc theo Nghị quyết 47/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	113.060.800
10	Kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia	9.731.000.000
11	Kinh phí tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT cho xã Đôn Xuân	20.500.000
12	Kinh phí thực hiện tổng kiểm kê đất đai cho các xã, thị trấn	57.077.750
13	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt cho các xã, thị trấn	522.790.730
14	Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành	277.318.000
15	Kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ xã nông thôn mới	81.499.000
16	Kinh phí làm mái che trụ sở Công an, Xã đội xã Đôn Xuân	342.000.000
17	Kinh phí thí điểm đề án thực hiện phương án chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công theo Nghị định số 61/2018 ngày 23/4/2018 của CP năm 2022	77.076.120

